

ĐỘNG TỪ (P4)**Thì hiện tại hoàn thành (The present perfect tense)****I. Tóm tắt bài giảng****1. Hình thức**

Khẳng định	Phủ định	Nghi vấn
He/ she/ it has + PII (V_ed/ Irregular verbs)	S+ haven't / hasn't + PII have not = haven't has not = hasn't	Have / Has + S + PII (ever)?
I/ You/ we/ they have + PII (V_ed/ Irregular verbs)		

Ví dụ:

I have seen this film twice.

He has studied English for three years now.

2. Cách dùng

Diễn tả một hành động bắt đầu trong quá khứ và kéo dài đến hiện tại, và có thể vẫn tiếp tục trong tương lai.

2.1 Hiện tại hoàn thành dùng với just chỉ những hành động vừa mới hoàn tất trước đó.

He has just gone out = He went out a few minutes ago. (Anh ta vừa đi ra ngoài).

Đây là cách dùng đặc biệt của thì này. Just phải được đặt ở giữa trợ động từ và động từ chính. Sự kết hợp này được dùng chủ yếu trong xác định, mặc dù vẫn có thể dùng ở nghi vấn.

Has he just gone out? (Phải anh ta vừa đi ra ngoài không?)

Thường thì nó không được dùng ở phủ định.

2.2 Diễn tả những hành động mới diễn ra và để lại kết quả ở hiện tại

The road is wet. It has (just) rained.

He hasn't come yet. (Anh ta vẫn chưa đến). [Vì thế chúng tôi vẫn còn đợi].

My hands are covered with flour. I have made a cake.

It's 3 o'clock. I have been waiting for 3 hours now.

2.3 Phân biệt hiện tại hoàn thành với quá khứ đơn

Ví dụ 1:

- Have you had breakfast? – No, I haven't had it yet.

(Anh đã ăn sáng chưa? Chưa, tôi chưa ăn).

- Yes, I had breakfast with my father. (Đã ăn)

→ Câu hỏi có thể ở hiện tại hoàn thành nhưng câu trả lời ở quá khứ.

Ví dụ 2:

Nếu người đưa thư thường đến khoảng giữa 9 giờ và 10 giờ, thì từ 9 giờ đến 10 giờ chúng ta sẽ nói:

- Has the postman come yet / this morning? (Sáng nay người đưa thư đã đến chưa?)

Nhưng sau giai đoạn từ 9 giờ đến 10 giờ thì chúng ta sẽ nói:

- Did the postman come this morning?

Ví dụ 3:

- He has slept for 2 hours. (Hành động ngủ được 2 tiếng này khá gần hiện tại)

- He slept for 2 hours. (Hành động này cách khá xa hiện tại)

2.4 Hiện tại hoàn thành hay đi với các trạng từ: just; recently; lately; ever; never; already; yet; since; for; until now; so far = up to now = until now; up to present.

Ví dụ:

- I have already seen this film twice.
- I have never been to London.
- I have never told lies. (Từ trước đến nay tôi không bao giờ nói dối) (Lưu ý: Nếu nói : “I never tell lies.” → “Tôi luôn luôn không bao giờ nói dối”)
- Have you ever met Ms Phuong in person?
- This is **the best** film I **have ever seen**.
- I have finished a report lately. (Gần đây tôi đã hoàn thành một bản báo cáo)
- I have finished a report so far. (Cho đến nay tôi đã hoàn thành một bản báo cáo)

2.5 For & Since

A. Since được dùng với một mốc thời gian hoặc một mệnh đề, và có nghĩa là từ thời điểm đó cho đến lúc nói.

I have studied English since 2000.

She has lived here since I met her.

I have been here since last week.

We've been friends since our schooldays. (Chúng tôi là bạn bè từ những ngày còn đi học).

B. For được dùng với một khoảng thời gian: for six days (trong sáu ngày), for a long time (một thời gian dài).

I have studied English **for** 13 years **now**. (Tôi học tiếng anh được 13 năm nay.)

I have studied French **for** the **past** / **last** two years. (Tôi đã học tiếng Pháp trong 2 năm vừa qua)

2.6 Trường hợp đặc biệt:

* **So sánh hơn nhất + Hiện tại hoàn thành**

* **This is the first / second / only time + Hiện tại hoàn thành**

Ví dụ:

This is the best wine I have ever drunk. (Đây là rượu ngon nhất mà tôi đã từng uống).

This is the worst book I have ever read. (Đây là cuốn sách dở nhất mà tôi đã từng đọc).

This is the first time / the only time I've eaten Sushi.

This is the only book he has written. (Đây là cuốn sách duy nhất mà anh ta đã viết).

* **Các thành ngữ chỉ thời gian bao gồm for, since (all day / night/ week, all my life, all the time)**

We have waited all day. (Chúng tôi chờ suốt ngày) [Vẫn còn đang chờ].

He has lived here all his life. (Ông ta đã sống ở đây suốt cuộc đời) [Hiện vẫn còn ở đây]

He has always worked for us. (Ông ta vẫn luôn làm việc cho chúng tôi) [Vẫn còn làm]

* **It is + khoảng thời gian + since + thì quá khứ**

Ví dụ : It is three years since I last saw him. (Ba năm rồi kể từ khi tôi gặp anh ta lần cuối).

II. Bài về nhà

Chia động từ trong ngoặc ở thì hiện tại hoàn thành hoặc quá khứ đơn

Bài 1:

- 1) The police.....two people early this morning. (arrest)
- 2) She.....to Japan but now she.....back. (go - come)
- 3) Dan.....two tablets this year. (already/ buy)
- 4) How many games.....so far this season? (your team / win)
- 5).....the CN Tower when you.....in Toronto? (you / visit - stay)
- 6).....your homework yet? – Yes, I.....it an hour ago. (you / do - finish)
- 7) There.....an accident in High Street, so we have to use King Street to get to your school. (to be)
- 8) I.....Peter since I.....last Tuesday. (not / see - arrive)
- 9) Frank.....his bike last May. So he.....it for 4 months. (get - have)
- 10) I'm sorry, I.....earlier, but I.....a lot lately. (not / write - work)

Bài 2:

- 1) Peter..... football yesterday. (play)
- 2) They..... the car. It looks new again. (clean)
- 3) Last year we..... to Italy. (go)
- 4) John and Peggy..... the book. Now they can watch the film. (read)
- 5) I..... my friend two days ago. (meet)
- 6) We..... another country before. (never / visit)
- 7) She..... a new car in 2011. (buy)
- 8) I'm sorry, but I..... my homework. (forget)
- 9)..... the game of chess? (you / win)
- 10) The girls..... their lunch yet. (not / eat)

Bài 3

- 1) I.....my keys, so I can't open that door. (lose)
- 2) Columbus.....in the New World in 1492. (arrive)
- 3) Nina.....her leg. She is still in hospital. (break)
- 4) He.....here all his life. (live)
- 5) Colin.....for Brazil this morning. (leave)
- 6) Last winter Robin.....with his father in the Alps for three days. (stay)
- 7) Ellen.....with her left hand. (always / write)
- 8) She.....a language course in Paris last summer. (do)
- 9).....anyone.....yet? (phone)
- 10) I.....Paul today, but I.....him last Sunday. (not / see - see)

Bài 4:

- 1) They.....all the new words. They needn't worry about the test. (learn)
- 2) Three people.....him in hospital last Friday. (visit)
- 3) Martin.....for 50 miles on scenic routes three weeks ago. (cycle)
- 4) We.....chicken Tandoori before. (never / try)
- 5).....a job yet? (you / find)
- 6) Emily and Molly.....each other for more than 10 years now. (know)
- 7) First he.....to the announcement, then he.....to a café for a drink. (listen - go)
- 8) She.....late four times this week. (be)
- 9) What's that lovely smell in here? - Jasmin.....a yummy cake. (bake)
- 10) The Titanic.....an iceberg in 1912 and.....within three hours. (hit - sink)

Bài 5

1. A: (you / play / already) the new computer game?
B: No, not yet. I only (buy) it yesterday and I (have / not) the time yet.
2. A: (you / go) to the cinema last night?
B: Yes. I (be) there with Sue and Louis. (you / be) to the cinema recently?
3. A: I last (go) to the cinema two weeks ago.
B: So you (see / not) the new action film yet.
4. A: No, unfortunately not. (you / enjoy) it?
B: Oh, I really (love) it. But Sue (like / not) it - too much action!
5. A: But why (you / take) her with you? She (tell) me last week that she (hate) action films.
B: I think she has an eye on Louis. She (try) to flirt with him all the time. So he (can / concentrate / not) on the film.

Bài 6

1. I (just / finish) my homework.
2. Mary (already / write) five letters.
3. Tom (move) to this town in 1994.

4. My friend (be) in Canada two years ago.
5. I (not / be) to Canada so far.
6. But I (already / travel) to London a couple of times.
7. Last week, Mary and Paul (go) to the cinema.
8. I can't take any pictures because I (not / buy) a new film yet.
9. (they / spend) their holiday in New Zealand last summer?
10. (you / ever / see) a whale?

Đáp án

Bài 1

- 1) The police arrested two people early this morning.
- 2) She went to Japan but now she has come back.
- 3) Dan has already bought two tablets this year.
- 4) How many games has your team won so far this season?
- 5) Did you visit the CN Tower when you stayed in Toronto?
- 6) Have you done your homework yet? – Yes, I finished it an hour ago.
- 7) There has been an accident in High Street, so we have to use King Street to get to your school.
- 8) I have not seen Peter since I arrived last Tuesday.
- 9) Frank got his bike last May. So he has had it for 4 months.
- 10) I'm sorry, I have not written earlier, but I have worked a lot lately

Bài 2

- 1) Peter played football yesterday.
- 2) They have cleaned the car. It looks new again.
- 3) Last year we went to Italy.
- 4) John and Peggy have just read the book. Now they can watch the film.
- 5) I met my friend two days ago.
- 6) We have never visited another country before.
- 7) She bought a new car in 2011.
- 8) I'm sorry, but I have forgotten my homework.
- 9) Did you win the game of chess?
- 10) The girls have not eaten their lunch yet.

Bài 3

- 1) I have lost my keys, so I can't open that door.
- 2) Columbus arrived in the New World in 1492.
- 3) Nina has broken her leg. She is still in hospital.
- 4) He has lived here all his life.
- 5) Colin left for Brazil this morning.
- 6) Last winter Robin stayed with his father in the Alps for three days.
- 7) Ellen has always written with her left hand.
- 8) She did a language course in Paris last summer.
- 9) Has anyone phoned yet?
- 10) I have not seen Paul today, but I saw him last Sunday.

Bài 4

- 1) They have learned all the new words. They needn't worry about the test.
- 2) Three people visited him in hospital last Friday.
- 3) Martin cycled for 50 miles on scenic routes three weeks ago.
- 4) We have never tried chicken Tandoori before.
- 5) Have you found a job yet?
- 6) Emily and Molly have known each other for more than 10 years now.

- 7) First he listened to the announcement, then he went to a café for a drink.
- 8) She has been late four times this week.
- 9) What's that lovely smell in here? - Jasmin has baked a yummy cake.
- 10) The Titanic hit an iceberg in 1912 and sank within three hours.

Bài 5

1. A: Have you already played the new computer game?
B: No, not yet. I only bought it yesterday and I have not had the time yet.
2. A: Did you go to the cinema last night?
B: Yes. I was there with Sue and Louis. Have you been to the cinema recently?
3. A: I last went to the cinema two weeks ago.
B: So you have not seen the new action film yet.
4. A: No, unfortunately not. Did you enjoy it?
B: Oh, I really loved it. But Sue did not like it - too much action!
5. A: But why did you take her with you? She told me last week that she hated action films.
B: I think she has an eye on Louis. She tried to flirt with him all the time. So he could not concentrate on the film.

Bài 6

1. I have just finished my homework.
2. Mary has already written five letters.
3. Tom moved to this town in 1994.
4. My friend was in Canada two years ago.
5. I have not been to Canada so far.
6. But I have already travelled to London a couple of times.
7. Last week, Mary and Paul went to the cinema.
8. I can't take any pictures because I have not bought a new film yet.
9. Did they spend their holiday in New Zealand last summer?
10. Have you ever seen a whale?